

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **59/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: **02/7/2021**

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc Tr, sinh năm: 1982

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường Cam L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
(Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm: 1980

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường Cam L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc Tr trình bày:* Chị và anh Nguyễn Nhật T tự nguyện chung sống từ năm 2012 và được Ủy ban nhân dân phường Cam L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 29 tháng 3 năm 2012. Trong quá trình chung sống, chị và anh T phát sinh nhiều

mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên rượu chè rồi đe dọa, hành hung vợ con. Chị đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Chị và anh Nguyễn Nhật T có 02 con chung là các cháu Nguyễn Ánh Bình M, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2012 và Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2014. Chị Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung; yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (trung bình 2.000.000 đồng/tháng/cháu) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Chị Phạm Thị Ngọc Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai đề ngày 15 tháng 6 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Nhật T trình bày*: Về quá trình đi đến kết hôn và chung sống với nhau, anh T thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị Ngọc Tr. Anh T thừa nhận vì thất bại trong công việc, áp lực trong cuộc sống làm anh cảm thấy mất định hướng trong cuộc sống, từ đó có những hành động sai lầm với vợ, làm vợ mất niềm tin với anh. Tuy nhiên, anh đã biết được lỗi lầm của mình, thương vợ, thương con, mong con có cuộc sống đủ cả cha lẫn mẹ, nên anh không đồng ý ly hôn, anh mong được hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống.

- *Về con chung*: Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị Phạm Thị Ngọc Tr được ly hôn, anh Nguyễn Nhật T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là các cháu Nguyễn Ánh Bình M, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2012 và Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2014; không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Nhật T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C*:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc Tr.

* *Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án*:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc Tr đã giao nộp: Trích lục kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh Nguyễn Ánh Bình M, Nguyễn Minh Qu (bản sao); Sổ hộ

khẩu chủ hộ Phạm Thị Ngọc Tr (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân Phạm Thị Ngọc Tr, Nguyễn Nhật T (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phạm Thị Ngọc Tr có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Nhật T. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[1.3] Về thủ tục giải quyết vụ án:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú, địa chỉ ổn định và đã thừa nhận nghĩa vụ. Tài liệu chứng cứ đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc Tr và anh Nguyễn Nhật T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường Cam Lợi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 29 tháng 3 năm 2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Tr cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh T không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên rượu chè rồi đe dọa, hành hung vợ con, do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T thừa nhận vì áp lực công việc và cuộc sống nên có những hành động sai với vợ, nhưng anh mong muốn được hòa giải với chị Tr vì còn thương vợ, thương con. Tại Biên bản xác minh ngày 15 tháng 6 năm 2021, chính quyền địa phương cung cấp thời gian năm 2019 đến năm 2020, có nghe phản ánh về việc vợ chồng chị Tr, anh T có phát sinh mâu thuẫn, gây gổ nhau nhưng gần đây không thấy yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nên không rõ nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do đâu.

Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị Tr, anh T đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T tuy không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, giải quyết được mâu thuẫn. Tại phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tiến hành hòa giải nhưng không thành. Do đó, chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc Tr.

[2.2] *Về con chung*: Chị Phạm Thị Ngọc Tr và anh Nguyễn Nhật T có 02 con chung là các cháu Nguyễn Ánh Bình M, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2012 và Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2014.

Chị Phạm Thị Ngọc Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung; yêu cầu anh Nguyễn Nhật T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (trung bình 2.000.000 đồng/tháng/con chung) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Nhật T cũng yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung; không yêu cầu chị Phạm Thị Ngọc Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm cho con phát triển tốt nhất cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu Nguyễn Ánh Bình M là nữ, cháu Nguyễn Minh Qu còn nhỏ, hiện nay cả hai cháu đang sống cùng với mẹ và đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, nên việc chị Phạm Thị Ngọc Tr yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung là có cơ sở nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Ngọc Tr yêu cầu anh Nguyễn Nhật T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (trung bình 2.000.000 đồng/tháng/con chung) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Xét: Việc nuôi dưỡng con là trách nhiệm của cả cha lẫn mẹ, các cháu còn nhỏ, cần đảm bảo đủ điều kiện vật chất cho các cháu được học tập và sinh hoạt đầy đủ, dựa vào chi phí nuôi dưỡng, điều kiện sinh hoạt bình quân tại địa phương. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Nhật T trình bày thu nhập của anh T mỗi tháng trung bình từ 14.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nên chị Phạm Thị Ngọc Tr yêu cầu anh Nguyễn Nhật T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (trung bình 2.000.000 đồng/tháng/cháu) là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Phạm Thị Ngọc Tr và anh Nguyễn Nhật T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*: Chị Phạm Thị Ngọc Tr phải nộp 150.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”. Anh Nguyễn Nhật T phải nộp 150.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Cấp dưỡng nuôi con”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 316, 317, 320 và 321 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc Tr được ly hôn với anh Nguyễn Nhật T.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc Tr được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là các cháu Nguyễn Ánh Bình M, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2012 và Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Nhật T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng (trung bình 2.000.000 đồng/tháng/cháu) cho đến khi các cháu Nguyễn Ánh Bình M và Nguyễn Minh Qu lần lượt đủ 18 tuổi.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Ngọc Tr và anh Nguyễn Nhật T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc Tr phải nộp 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006486 ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Phạm Thị Ngọc Tr đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Nhật T phải nộp 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Cấp dưỡng nuôi con”.

4. Quy định: Kể từ ngày chị Phạm Thị Ngọc Tr có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Nhật T chưa thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng con thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Chị Phạm Thị Ngọc Tr, anh Nguyễn Nhật T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C;
- CC THADS TP. C;
- UBND phường Cam L, TP. C, tỉnh Khánh Hòa (Giấy CNKH số 23 ngày 29 tháng 3 năm 2012);
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Xuân Oanh